

Số: /CT-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

CHỈ THỊ
Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2026-2030, Văn bản hướng dẫn số 16684/BTC-NSNN ngày 24/10/2025 của Bộ Tài chính về việc đánh giá thực hiện Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2021-2025, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030; trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 7675/STC-TH ngày 27/10/2025; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương trên địa bàn, Chủ tịch UBND các xã, phường (sau đây gọi tắt là các Sở, ban, ngành, địa phương) tập trung xây dựng Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030, với tinh thần hành động quyết liệt, đồng bộ, khả thi, hiệu quả, phấn đấu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt từ 10%/năm trở lên.

I. NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU

1. Đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025

1.1. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết của HĐND tỉnh, Nghị quyết của HĐND các cấp (đối với các địa phương) về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, các nghị quyết, kết luận khác có liên quan của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

1.2. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH giữa kỳ và hằng năm giai đoạn 2021-2025, các Sở, ban, ngành, địa phương tổ chức đánh giá việc thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách, quản lý.

1.3. Đánh giá đầy đủ, đúng thực chất, khách quan, trung thực, có so sánh với giai đoạn 2016-2020 và cả nước, vùng (nếu có), bao gồm: kết quả đạt được, đặc biệt là các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2021-2025, so sánh với các chỉ tiêu, mục tiêu tương tự giai đoạn 2016-2020; khó khăn, hạn chế, yếu kém; phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan để rút ra bài học kinh nghiệm, xác định giải pháp hiệu quả cho giai đoạn 2026-2030.

1.4. Huy động, phát huy sự phối hợp rộng rãi của các sở, ngành, địa phương, các tổ chức và các chuyên gia để nâng cao chất lượng báo cáo.

2. Xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030

2.1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 phải bám sát đường lối, chủ trương của Đảng; các chỉ đạo của Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính

phủ và lãnh đạo chủ chốt Trung ương; các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; đồng thời cụ thể hóa nội dung Văn kiện Đại hội Đảng các cấp.

Định hướng phát triển bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững, với mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân từ 10% trở lên; hình thành mô hình tăng trưởng mới gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khai thác hiệu quả lợi thế hội nhập quốc tế; nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển nhanh, bền vững, bao trùm và toàn diện.

2.2. Xây dựng Kế hoạch 5 năm 2026-2030 trên cơ sở đánh giá toàn diện, chính xác kết quả thực hiện Kế hoạch 5 năm 2021-2025; dự báo đầy đủ bối cảnh, tình hình thế giới, khu vực và trong nước thời gian tới; phải có tầm nhìn, tư duy phát triển mới, đột phá để nắm bắt và tận dụng tốt các cơ hội, vượt qua thách thức cũng như khắc phục những hạn chế, yếu kém của giai đoạn 2021-2025; kết hợp giữa tăng cường, phát huy nội lực với khai thác, huy động và tận dụng hiệu quả ngoại lực, trong đó nội lực là cơ bản, có vai trò quyết định, ngoại lực là quan trọng, đột phá.

2.3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và địa phương phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch 5 năm về phát triển KTXH của tỉnh; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng, góp phần thúc đẩy liên kết vùng, phát triển các vùng động lực của tỉnh; phù hợp với quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy, hệ thống chính trị. Cần tập trung khai thác, phát huy tối đa tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

2.4. Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm 2026-2030 phải bảo đảm tính khả thi, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn; bám sát 02 Bộ chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã. Các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch.

2.5. Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải: (1) mang tính đột phá, đổi mới, mạnh mẽ, quyết liệt, khả thi, hiệu quả, phù hợp với khả năng thực hiện và cụ thể, mang tính hành động cho các đơn vị, địa phương với tinh thần: *“Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”*; (2) bảo đảm *“rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền”* và lượng hóa được; (3) huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu của kế hoạch phát triển KTXH, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; (4) phát huy tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; (5) huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, mọi thành phần kinh tế, mọi doanh nghiệp, người dân vào quá trình phát triển KTXH.

2.6. Việc tổ chức xây dựng Kế hoạch 5 năm 2026-2030 phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp. Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi nhằm tạo sự đồng thuận cao trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

II. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2026-2030

Các Sở, ban, ngành, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I để xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Về đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025

1.1. Bối cảnh triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2025: nêu khái quát những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu.

1.2. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, các chỉ tiêu khác thuộc ngành, lĩnh vực đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của HĐND tỉnh, Nghị quyết của HĐND các địa phương về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025; trong đó, phân tích sâu về tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế. Đánh giá về việc ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển KTXH trên địa bàn, nêu rõ kết quả đạt được và tồn tại hạn chế.

1.3. Kết quả thực hiện mục tiêu kép về phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển KTXH, trong đó có kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH.

1.4. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị; triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị về kinh tế tư nhân, hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giáo dục và đào tạo, y tế, an ninh năng lượng...; hoàn thiện các loại thị trường như thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường khoa học công nghệ... Hoàn thiện các quy định về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước, phân cấp, phân quyền.

1.5. Kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Trong đó tập trung đánh giá: cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ, nhất là phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh; phát triển kinh tế nông thôn và nông nghiệp hiệu quả, xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển ngành du lịch, thương mại điện tử...; đóng góp của kinh tế số vào tăng trưởng; đánh giá hiệu quả cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm (đầu tư công, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước); triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và tình hình phát triển doanh

ng nghiệp tư nhân; thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

1.6. Đánh giá tình hình huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực (kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài...); giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài; các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các dự án lớn, quan trọng, thu hút các nhà đầu tư chiến lược...; phát triển các loại thị trường.

1.7. Tiến độ triển khai và kết quả hoàn thành hệ thống kết cấu hạ tầng, trong đó tập trung đánh giá các dự án trọng điểm của tỉnh; đánh giá tình hình phát triển hạ tầng năng lượng (điện, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch), hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng nông thôn, đô thị...

1.8. Đánh giá công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, tập trung đánh giá:

- Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó, làm rõ một số nội dung sau: **(i)** Các trọng điểm đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng như chương trình hành động cụ thể của Sở, ban, ngành, địa phương; **(ii)** Các dự án/nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; **(iii)** Đánh giá việc đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Công tác phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Việc thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục như Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

1.9. Kết quả triển khai thực hiện các quy hoạch tỉnh, các quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành thuộc thẩm quyền địa phương; công tác phát triển vùng, liên kết vùng (trong đó, đánh giá các dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng); tình hình phát triển khu kinh tế, phát triển đô thị, đô thị thông minh, phát triển kinh tế biển; xây dựng cơ chế chính sách cho đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới...

1.10. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, y tế trong đó tập trung các nội dung: triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn I: 2021-2025); Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; đổi mới, nâng

cao chất lượng các chính sách xã hội, việc làm, giảm nghèo, tôn giáo, dân tộc... đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân.

1.11. Kết quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường theo Chương trình nghị sự 2030. Kết quả xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách để hình thành, vận hành mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính...

1.12. Đánh giá công tác nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển (như xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; cải cách tiền lương...); sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.13. Tình hình đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, hiện đại; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030.

1.14. Đánh giá công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; đặc biệt là việc triển khai Nghị quyết 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thu hút các nguồn lực để phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

1.15. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm:

Phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan chủ yếu của các kết quả đạt được và những hạn chế, yếu kém; từ đó, khái quát, rút ra các bài học kinh nghiệm lớn để xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030.

2. Về dự kiến kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030

2.1. Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030: dự báo, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước tác động đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH.

2.2. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2026-2030, đảm bảo phù hợp và hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra.

2.3. Các chỉ tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn: Các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng phương án tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương; các

mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng, phát triển cụ thể, có định lượng, rõ kết quả của ngành, lĩnh vực, địa phương, bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của tỉnh giai đoạn 2026-2030 bình quân đạt từ 10% trở lên.

2.4. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

(1) Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách với cấu trúc tinh gọn, hợp lý, khoa học; thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo đúng yêu cầu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển thị trường khoa học công nghệ, thu hút mọi nguồn lực cho phát triển; tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện công vụ. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài tham gia hoạch định và thực thi các nhiệm vụ chiến lược của tỉnh.

(2) Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Tập trung tháo gỡ những rào cản, khó khăn, vướng mắc của các loại thị trường. Cùng cố mạnh mẽ khu vực doanh nghiệp nhà nước; tiếp tục triển khai cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và đầu tư công. Triển khai các giải pháp đột phá, trọng tâm, có tính khả thi cao để đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đầu tư, giải phóng nguồn lực trong giai đoạn 2026-2030. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

(3) Phát triển kinh tế tư nhân là động lực hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới sáng tạo; triển khai quyết liệt Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ. Phát triển doanh nghiệp tư nhân; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời nâng đỡ thành phần kinh tế hộ, kinh tế hợp tác; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp của tỉnh với doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực phát triển khoa học công nghệ. Thúc đẩy phát triển kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp sáng tạo, công nghệ chiến lược, kinh tế chia sẻ, kinh tế dữ liệu, sản xuất thông minh, thương mại điện tử và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số. Xây dựng các trọng tâm đầu tư trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo đột phá trong phát triển hạ

tăng thông tin và truyền thông; tham gia phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu lớn đáp ứng kết nối, chia sẻ thông suốt từ trung ương đến địa phương, trung tâm dữ liệu lớn, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

(5) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị. Thực hiện các chính sách đột phá về giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng giáo dục đức, trí, thể, mỹ, triển khai dạy học 2 buổi/ngày ở tiểu học và trung học, tăng cường giáo dục văn hoá, nghệ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng số, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng AI, phát triển hệ sinh thái giáo dục số, trường học số, lớp học thông minh; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; quan tâm công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập gắn với Phong trào “Bình dân học vụ số”, “Học tập số”. Phát triển giáo dục ngoài công lập, giáo dục chất lượng cao; đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo. Triển khai có hiệu quả chủ trương xây dựng trường phổ thông liên cấp nội trú tại các xã biên giới; tập trung xây dựng trường đạt chuẩn.

(6) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Tập trung đầu tư, hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm của tỉnh theo Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị; đẩy mạnh phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao trong giai đoạn mới, bảo đảm an ninh năng lượng. Phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(7) Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có đổi mới chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nhất là đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em, bình đẳng giới, người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chương trình, chính sách về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình MTQG đã thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 và được tiếp tục thực hiện các giai đoạn tiếp theo hoặc chuyển tiếp thực hiện từ 2026-2030. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 sau khi được ban hành. Làm tốt công tác thông tin, truyền thông.

(8) Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, khoáng sản quan trọng; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải; Quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân trong hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản có chứa phóng xạ tự nhiên.

(9) Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển KTXH; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

(10) Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát huy vai trò, vị thế, uy tín của đất nước, của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển KTXH. Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các Sở, ban, ngành cụ thể hóa các giải pháp, chính sách để xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 bảo đảm thống nhất về nguyên tắc, mục tiêu chung, phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, lĩnh vực và từng địa phương; bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, danh mục các chương trình, đề án, dự án trọng điểm được đề xuất trong Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030.

2.5. Tổng hợp kết quả thực hiện và đề xuất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ theo các Phụ lục kèm theo văn bản này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, địa phương

a) Căn cứ Chỉ thị này và Văn bản số 8081/UBND-TH ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh chủ động xây dựng Báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030; gửi Sở Tài chính trước **ngày 12/11/2025**.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) và tăng trưởng giá trị tăng thêm theo khu vực, sử dụng số liệu chính thức do Cục Thống kê tính toán và công bố cho từng năm từ năm 2021 đến năm 2024. Các Sở, ban, ngành phối hợp chặt chẽ với Thống kê tỉnh để rà soát, ước thực hiện năm 2025 và giai đoạn 2021-2025, xây dựng kế hoạch 2026-2030 các chỉ tiêu của ngành, lĩnh vực bảo đảm mục tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt từ 10% trở lên.

b) UBND các xã, phường tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cộng đồng liên quan về dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 của địa phương nhằm tạo sự đồng thuận cao trước khi trình HĐND cấp xã quyết định; gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để tổng hợp, theo dõi sau khi ban hành Kế hoạch.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ động đôn đốc, phối hợp các sở, ngành, địa phương để chuẩn bị nội dung, số liệu triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định; gửi Bộ Tài chính dự thảo Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 8081/UBND-TH ngày 22/10/2025.

b) Tổ chức lấy ý kiến các đơn vị, tổ chức liên quan; tổng hợp Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030, báo cáo cấp có thẩm quyền để trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2025.

3. Thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các các Sở, ban, ngành, địa phương tổng hợp, cung cấp, cập nhật thông tin, số liệu 28 chỉ tiêu thống kê KTXH cấp tỉnh; chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo UBND các xã, phường biên soạn, sử dụng số liệu trong quản lý, điều hành đối với 08 chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội cấp xã¹.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương trên địa bàn, Chủ tịch UBND các xã, phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Võ Trọng Hải

¹ Theo chỉ đạo của UBND tỉnh số 6240/UBND-TH₃ ngày 20/8/2025 về việc sử dụng 02 bộ chỉ tiêu thống kê KTXH phục vụ xây dựng Nghị quyết đại hội đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã.